

PHƯƠNG ÁN BTHT CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, DÒNG HỌ CÓ MÔ MẪ, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG - VẬT KIẾN TRÚC NẪM TRONG PHẠM VI GPMB ĐỀ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU PHỨC HỢP ĐÔ THỊ, DU LỊCH SINH THÁI, SÂN GÔN KHOÁI CHÁU, TỈNH HUNG YÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÔN TRUNG CHÁU, XÃ KHOÁI CHÁU , TỈNH HUNG YÊN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ - UBND ngày 18/9/2026 của UBND xã Khoái Châu)

STT	Họ và tên (Đại diện hộ gia đình, dòng họ)	Phần mộ	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng/Khối lượng	Đơn giá (đồng/ĐV)	Hệ số điều chỉnh vùng III	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền BTHT (đồng)
1	Lê Thị Thúy									127.077.511
		Mộ cụ: Đỗ Hữu Bồng	Mộ đá nguyên khối đã cải tiểu	Ngôi	1	7.000.000		100%	7.000.000	
			Chất liệu Đá xanh Thanh Hóa (theo chứng thư thẩm định giá)	Ngôi	1	19.273.000		100%	19.273.000	
			Tường xây gạch 110, cao ≤2,5m KT: 32m*0,5m*0,11 VXM M50	m³	1,76	2.218.558	1,01 1	100%	3.947.613	
			Sân lát gạch đỏ 300x300mm KT: 20m²	m²	20,0	212.588	1,01 1	100%	4.298.529	
			Tấm đan bê tông M200 KT: 1,27m*0,8*0,2	m³	0,20	3.000.140	1,01 1	100%	616.334	
			Tường xây hồ mộ gạch 220, vữa XM mác 50 KT: (2,54m+1,6m)*1,0*0,22	m³	0,91	2.016.276	1,01 1	100%	1.856.625	
		Mộ cụ : Đỗ Thị Thường, Hữu Thị Bệu, Hữu Thị Đàm	Mộ xây gạch, ốp gạch men 200x250mm.	Ngôi	3	7.000.000		100%	21.000.000	
			Tường xây gạch 220, vữa XM mác 50 KT: ((2,4m+1,4m)*1,35m*0,22)*3	m³	3,39	2.016.276	1,01 1	100%	6.901.801	
			Tường xây hồ mộ gạch 220, vữa XM mác 50 KT: ((2,4m+1,4m)*1,0m*0,22)*3	m³	2,51	2.016.276	1,01 1	100%	5.112.445	
			Ốp gạch ceramic 200x250mm KT: ((1,2m*0,7m)+(3,8m*1,35m))*3	m²	17,91	478.888	1,01 1	100%	8.671.230	
			Ngói hài KT: 4m2	m²	4,00	698.196	1,01 1	100%	2.823.505	
		Mộ cụ : Đỗ Hữu Chân, Trương Thị Toán, Nguyễn Thị Thử	Mộ xây gạch, trát vữa xi măng, quét sơn.	Ngôi	3	7.000.000		100%	21.000.000	
			Tường xây gạch 220, vữa XM mác 50 KT: ((3,7m+2,14m)*1,3*0,22)*3	m³	5,01	2.016.276	1,01 1	100%	10.214.127	
			Tường xây hồ mộ gạch 220, vữa XM mác 50 KT: ((3,7m+2,14m)*1,0*0,22)*3	m³	3,85	2.016.276	1,01 1	100%	7.857.021	
			Sơn tường mộ KT: ((1,85m*1,07m)+(5,84m*1,3m))*3	m²	28,71	126.825	1,01 1	100%	3.681.775	
			Ngói hài KT: 4m2	m²	4,00	698.196	1,01 1	100%	2.823.505	

STT	Họ và tên (Đại diện hộ gia đình, đồng hộ)	Phần mộ	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng/Khối lượng	Đơn giá (đồng/ĐV)	Hệ số điều chỉnh vùng III	Mức bồi thưởng (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền BHYT (đồng)
2	Nguyễn Đức Mười									12.851.851
		Mộ cụ: Nguyễn Đức Được	Mộ xây gạch, trát vữa xi măng, quét nước XM hoặc vôi.	ngôi	1	7.000.000		100%	7.000.000	
			Tường xây gạch 220, vữa XM mác 50 KT: (3m+2,4m)*1*0,22	m ³	1,2	2.016.276	1,01 1	100%	2.421.685	
			Tường xây hồ mộ gạch 220, vữa XM mác 50 KT: (3m+2,4m)*1*0,22	m ³	1,2	2.016.276	1,01 1	100%	2.421.685	
			Trát vữa XM mác 50 KT: (1,5m*1,2m)+(5,4m*1m)	m ²	7,20	122.264	1,01 1	100%	889.984	
			Quét vôi ve KT: (1,5m*1,2m)+(5,4m*1m)	m ²	7,20	16.279	1,01 1	100%	118.498	
3	Nguyễn Hồng Khê									12.637.867
		Mộ cụ: Nguyễn Thị Tâm	Mộ xây gạch chi, chiều dày ≤11cm, cao ≤6m, vữa XM M50	ngôi	1	7.000.000		100%	7.000.000	
			Tường xây gạch chi, chiều dày ≤11cm, cao ≤6m, vữa XM M50 KT: 1,9m*0,6m*0,11	m ³	0,13	2.218.558	1,01 1	100%	281.267	
			Tường xây gạch 220, vữa XM mác 50 KT: ((3,2+1,9)*0,7*0,22)	m ³	0,79	2.016.276	1,01 1	100%	1.601.003	
			Tường xây hồ mộ gạch 220, vữa XM mác 50 KT: ((3,2+1,9)*1,0*0,22)	m ³	1,12	2.016.276	1,01 1	100%	2.287.147	
			Tấm đan bê tông KT: 1,6m*0,95m*0,1	m ³	0,15	3.000.140	1,01 1	100%	461.038	
			Trát vữa Xm mác 50 KT: (1,6m*0,95m)+(5,1m*1,3m)	m ²	8,15	122.264	1,01 1	100%	1.007.413	
I, Tổng									152.567.229	152.567.229
II, Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng										3.051.345
III, Tổng số tiền BHYT thực hiện dự án										155.618.574

Bảng chữ : Một trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm mười tám nghìn, năm trăm bảy mươi tư đồng chẵn.

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU PHỨC HỢP ĐÔ THỊ, DU LỊCH SINH THÁI, SÂN GÔN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÔN TRUNG CHẤU, XÃ KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN (NGOÀI ĐỀ)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ - UBND ngày 18/9/2026 của UBND xã Khoái Châu)

STT	Họ và tên	Xóm	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Theo trích lục				Diện tích thu hồi	Tổng diện tích thu hồi	Tỷ lệ thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số khẩu hỗ trợ	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất			Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo QĐ phê duyệt (đồng)
				Số tờ	Số Thửa	Loại đất							Bồi thường về đất (85.000 m²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (3 x 85.000m²)	HT ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đồng)		Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính (đồng/m²)	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Hệ số điều chỉnh vùng 3	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	
1	Đỗ Thị Vương (chết) đại diện Đỗ Thị Chích là con	6	1.669,6					259,0	51,4%	6	7	22.015.000	66.045.000	21.420.000	109.480.000								46.620.000	156.100.000	
				64	737	BHK	Cửa Láng	259,0							1. Nhân giống	m²	259,0	180.000	100%		46.620.000				
I. Hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi								259,0	259,0				22.015.000	66.045.000	21.420.000	109.480.000						46.620.000	156.100.000		
II. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng																							3.122.000		
III. Tổng số tiền BTHT thực hiện dự án																							159.222.000		

Bảng chữ : Một trăm năm mươi chín triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn đồng chẵn.